

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92 /2021/DS-ST.  
Ngày: 29 - 7 - 2021.  
V/v: “*Tranh chấp chia di sản  
thừa kế*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Văn Đề;
2. Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu** tham gia phiên tòa:  
Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST - DS ngày 12/7/2021, giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn A, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 3, Ấp B, xã C, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn D, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn E, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: xóm TTB, xã I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt).

2. Bà Vũ Thị G, sinh năm 1964; địa chỉ: xóm 3, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt).

3. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn E, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt).

4. Bà Vũ Thị L (tên gọi khác M), sinh năm 1951; địa chỉ: xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (có mặt).

5. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt).

6. Chị Vũ Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt).

7. Anh Vũ Văn O, sinh năm 1974; địa chỉ: xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có đơn xin vắng mặt).

8. Chị Kim Thị Q, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có đơn xin vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị R; sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 3, Ấp B, xã C, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ( có ý kiến xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Văn A trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Vũ Văn S (chết năm 2009) và cụ Phạm Thị T (chết năm 2016) sinh được 6 người con gồm: Vũ Thị L, Vũ Thị H, Vũ Văn D, Vũ Văn A, Vũ Thị K và Vũ Thị G, không có con riêng, con nuôi. Khi còn sống cụ S, cụ T có O dựng được thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1100m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và 01 nhà mái ngói bốn gian, nhà bếp trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên cụ S. Khoảng năm 1990, cụ S, cụ T có cho ông A, bà R một phần đất ở phía tây thổ, việc cho đất bằng miệng, không có giấy tờ gì, vợ chồng ông đã xây nhà mái bằng 1 tầng trên phần đất này và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Năm 1999, vợ chồng ông đi miền Nam làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về sử dụng nhà đất trên. Nhà chính của cụ S, cụ T thì bà L (M) và 2 cụ sử dụng vì bà L không đi xây dựng gia đình.

Ngày 09/5/2007, bố mẹ ông là cụ S, cụ T có lập di chúc với nội dung: “Sau khi vợ chồng tôi qua đời thì quyền thừa kế toàn bộ thửa đất kể trên được chia cho hai con của chúng tôi là: 1, con gái Vũ Thị M được thừa kế quyền sử dụng 740m<sup>2</sup> phía đông (giáp thổ ông Vũ Văn Ty), chạy dài từ giáp đường nhựa vào đến hết thổ. 2, Con trai: Vũ Văn A được thừa kế quyền sử dụng 360m<sup>2</sup> phía tây (giáp thổ ông Phạm Văn Khanh), chạy dài từ đường nhựa đến hết thổ đất trong đó có 120m<sup>2</sup> đất ở. Bản di chúc có điểm chỉ của bố mẹ ông là cụ S, cụ T và có xác nhận, chứng thực của UBND xã N ngày 22/5/2007 và vào sổ công chứng chứng thực của UBND xã N. Ngoài di chúc này, bố mẹ ông không lập bản di chúc nào khác. Năm 2008, cụ S, cụ T đã bán cho vợ chồng anh Đặng Văn Đ, chị

Vũ Thị P, vợ chồng anh Vũ Văn O và chị Kim Thị Q mỗi cặp vợ chồng 48m<sup>2</sup> đất ao, tổng là 96m<sup>2</sup> vào phần đất đã lập di chúc cho bà M (L). Việc cụ S, cụ T bán đất, bà L và anh chị em đều biết và hộ nhận chuyển nhượng đã xây nhà trên đất và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông và mọi người nhất trí việc bố mẹ đã bán đất cho họ và không có ý kiến gì về phần đất bố mẹ đã bán này. Năm 2020, ông có nguyện vọng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất bố mẹ di chúc để lại chia cho ông nhưng ông Vũ Văn D là anh trai không nhất trí với lý do ông D cũng là con thì cũng phải có phần thì ông D nhất trí. Anh em trong gia đình có đã có buổi thương thảo bàn bạc nhưng ông D ý kiến không ra xã ký bất kỳ văn bản giấy tờ gì. Ông thấy rằng giữa các anh em không thể bàn bạc với nhau được. Nay ông A đề nghị Tòa án xác định di chúc của bố mẹ ông là cụ S, cụ T để lại là hợp pháp và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ S, cụ T theo di chúc theo quy định pháp luật.

Thổ đất bố mẹ ông để lại khi đo đạc hiện trạng sử dụng hiện nay có diện tích 972m<sup>2</sup>, thiếu so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận là 128m<sup>2</sup> (lý do thiếu là do cụ S cụ T khi còn sống, thời điểm sau khi làm di chúc cho đất ông và bà L (M) đã bán đi 96m<sup>2</sup> đất cho hai gia đình liền kề là vợ chồng anh Đ và vợ chồng anh O, diện tích đất đã bán này nằm trong phần đất bố mẹ ông đã di chúc cho bà L là chị gái ông, phần đất 32m<sup>2</sup> còn lại là do mở rộng hiện đất làm đường giao thông). Nay ông đề nghị được hưởng thừa kế quyền sử dụng 300m<sup>2</sup> đất nằm ở phía tây thổ vị trí đất theo di chúc bố mẹ cho ông, số diện tích đất còn lại ông được hưởng theo di chúc của bố mẹ ông xin để lại làm nơi thờ cúng chung vị trí phần đất này nằm ở phía bắc thổ đất, ông không yêu cầu các anh chị em phải thanh toán giá trị, ông xin nhận quản lý phần đất sử dụng chung làm nơi thờ cúng.

*Tại bản tự khai ngày 10/6/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông Vũ Văn D trình bày:*

Về thành phần gia đình, quan hệ huyết thống và tài sản nhà đất cụ S, cụ T để lại như ông A trình bày là đúng. Ông đã không ở cùng cụ S, cụ T từ lâu, mà xây nhà ở nơi khác nên không biết cụ S, cụ T có lập di chúc ngày 09/5/2007 về việc chia đất cho bà L và ông A. Sau khi bố mẹ chết anh em trong gia đình có thông báo cho ông biết việc bố mẹ ông có để lại di chúc cho đất em trai ông là ông A và cho chị gái ông sống độc thân là bà L toàn bộ thổ đất của bố mẹ. Ông có xem và nhờ con ông xem thì không thấy có phần ông được hưởng nên khi anh em gọi ông xuống bàn bạc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông A thì ông đã không đồng ý đến Ủy ban nhân dân xã ký kết giấy tờ chia thừa kế cho ông A và bà L vì ông thấy rằng ông chẳng được quyền lợi gì cả nên ông không đến đó làm gì và cũng không phải ký kết giấy tờ gì. Ông không được giữ bản di chúc nào của cha mẹ để lại cả, bản di chúc ông A khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận là hợp pháp ông được biết là chỉ có bà L chị gái ông giữ.

Việc cụ S, cụ T khi còn sống bán đất cho vợ chồng anh Đặng Văn Đ và vợ chồng anh Vũ Văn O ông không có ý kiến gì, việc này Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Nay ông không nhất trí với việc ông A yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc cụ S, cụ T lập ngày 09/5/2007 là hợp pháp vì ông cũng là con như mọi người sao lại không có đất và đề nghị Tòa án chia di sản cụ S, cụ T để lại theo quy định pháp luật. Nếu ông A và bà L được hưởng di sản thừa kế theo di chúc và muốn để lại một phần đất phía bắc thổ làm nơi thờ cúng chung thì ông nhất trí. Tại phiên tòa ông D có ý kiến là ông A và bà L nên để đất làm nơi thờ cúng chung là phần đất phía Nam chiều mặt đường 5m và sâu khoảng 20m. Nếu tất cả anh chị em nhất trí cắt cho ông một phần đất bố mẹ để lại thì ông xin nhận để sử dụng.

*Tại bản tự khai ngày 14/6/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L (M) trình bày nội dung được tóm tắt như sau:*

Bà Vũ Thị L (M) có ý kiến bố mẹ bà là cụ Vũ Văn S (chết năm 2009) và cụ Phạm Thị T (chết năm 2016) sinh được 6 người con gồm: Vũ Thị L, Vũ Thị H, Vũ Văn D, Vũ Văn A, Vũ Thị K và Vũ Thị G, không có con riêng, con nuôi. Khi còn sống cụ S, cụ T có O dựng được thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1100m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã N và 01 nhà mái ngói bốn gian, nhà bếp trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên hộ cụ S. Do bà không đi lấy chồng nên sinh sống cùng bố mẹ ở nhà cấp bốn 4 gian, từ sau khi cụ S, cụ T chết thì bà sử dụng nhà này cho đến nay. Ngày 09/5/2007, cụ S, cụ T có lập di chúc với nội dung: “Sau khi vợ chồng tôi qua đời thì quyền thừa kế toàn bộ thửa đất kể trên được chia cho hai con của chúng tôi là: 1, con gái Vũ Thị M được thừa kế quyền sử dụng 740m<sup>2</sup> phía đông (giáp thổ ông Vũ Văn Ty), chạy dài từ giáp đường nhựa vào đến hết thổ. 2, Con trai: Vũ Văn A được thừa kế quyền sử dụng 360m<sup>2</sup> phía tây (giáp thổ ông Phạm Văn Khanh), chạy dài từ đường nhựa đến hết thổ đất trong đó có 120m<sup>2</sup> đất ở. Bản di chúc có điểm chỉ của cụ S, cụ T và có xác nhận, chứng thực của UBND xã N ngày 22/5/2007 và vào sổ công chứng chứng thực của UBND xã N.

Di chúc được lập thành nhiều bản, UBND xã N giữ 01 bản, bà giữ 01 bản. Cụ S, cụ T đã thông báo toàn bộ nội dung bản di chúc chia thừa kế cho các con biết. Khoảng năm 2008 bố mẹ bà do khó khăn nên đã bán cho vợ chồng anh Đặng Văn Đ và vợ chồng anh Vũ Văn O (là con và cháu ông Ty) tổng diện tích đất khoảng 96m<sup>2</sup> đất ao, chiều mặt đường 8m, chiều sâu 12m, vào vị trí mà bố mẹ đã lập di chúc cho bà, bà hoàn toàn nhất trí với việc này, không phản đối gì. Năm 2012 (khi đó cụ S đã chết) bà và cụ T đã lý hợp đồng chuyển nhượng đất để vợ chồng anh Đ và vợ chồng anh O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, khi bố mẹ còn sống ông D không về nhà, cũng không quan tâm chăm sóc bố mẹ mọi việc trong gia đình, mặc dù ông D là con trai cả nhưng chưa làm tròn trách nhiệm với cha mẹ, anh chị em trong gia đình luôn mong muốn ông D suy nghĩ lại vì gia đình nhưng ông D không thay đổi.

Nay ông A yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thừa đất cụ S, cụ T để lại theo di chúc thì bà hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên diện tích đất hiện chỉ còn 972m<sup>2</sup>, bà tự nguyện để ông A hưởng đủ 360m<sup>2</sup> theo di chúc, phần còn lại 612m<sup>2</sup> bà hưởng. Nhưng bà chỉ nhận sử dụng phần đất có cạnh giáp mặt đường dài 10,7m chạy thẳng vào phía trong (phía bắc) dài 30m, phần còn lại ở phía sau nhà bà tự nguyện để làm nơi thờ cúng, sử dụng chung mà không yêu cầu anh chị em phải thanh toán giá trị. Bà cũng nhất trí gộp phần đất này vào phần đất ông A tách ra làm nơi thờ cúng thành một thửa để các anh chị em cùng sử dụng thờ cúng chung và giao cho ông A quản lý đất thờ cúng này.

*Tại bản tự khai ngày 10/6/2021, ngày 14/6/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị K, Vũ Thị H và Vũ Thị G đều trình bày:*

Các bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông A, bà L về quan hệ huyết thống gia đình, di sản thừa kế bố mẹ để lại và việc ông Vũ Văn A, bà Vũ Thị L (M) được bố mẹ viết di chúc để lại toàn bộ nhà đất cho hai chị em là ông A và bà L. Bản di chúc mà bà L và ông A khai báo và nộp cho Tòa án do bố mẹ các bà lập bằng văn bản vào ngày 09/5/2007 tại UBND xã N để cho bà L được hưởng thừa kế quyền sử dụng 740m<sup>2</sup> đất đai của bố mẹ và ông A hưởng thừa kế quyền sử dụng 360m<sup>2</sup> các bà khẳng định là hoàn toàn đúng. Sau khi lập bản di chúc này bố mẹ các bà đã thông báo cho các con biết và không ai có ý kiến gì, chỉ có ông A không thuận với bố mẹ nên không được thông báo. Sau đó cụ S, cụ T có bán đất cho vợ chồng anh Đ và vợ chồng anh O như ông A, bà L trình bày là đúng. Ngoài bản di chúc lập ngày 09/5/2007, cụ S, cụ T không còn bản di chúc nào khác.

Sau khi bố mẹ các bà chết thì bà L và ông A có thông báo cho ông D biết việc bố mẹ có để lại di chúc cho toàn bộ thổ đất cho bà L và ông A và đưa cho ông D xem, ông D có ý kiến ông không có phần nên không liên quan và không nhất trí ký văn bản giấy tờ cho ông A và bà L làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Nay các bà nhất trí với ý kiến của ông A về việc đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc của bố mẹ lập 09/5/2007 là hợp pháp và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo di chúc cho ông A và bà L được hưởng theo quy định của pháp luật, các bà không đòi hỏi quyền lợi gì. Các bà cũng đồng ý với việc ông A và bà L tự nguyện để ra phần đất mình được hưởng theo di chúc phần đất ở phía bắc thổ làm nơi sử dụng thờ cúng chung và nhất trí giao cho ông Vũ Văn A quản lý.

*Tại bản tự khai ngày 11/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn O và chị Kim Thị Q trình bày:*

Khoảng năm cuối năm 2007, vợ chồng anh có mua của vợ chồng cụ S diện tích đất khoảng 48m<sup>2</sup> đất ao ở phía đông thổ liền kề thổ đất của anh chị được bố mẹ cho trước đó. Sau khi mua anh chị đã gộp hai phần đất này thành 1 thửa và đã xây nhà ở kiên cố, sử dụng ổn định cho đến nay. Anh chị và sau đó được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 163, tờ bản đồ số 8, diện tích 265m<sup>2</sup> (trong đó có 48m<sup>2</sup> đất mua của cụ S). Trước khi bán đất cho anh chị, cụ S, cụ T đã lập di chúc cho đất ông A và bà L, vị trí đất bán cho anh chị nằm trong phần đất đã di chúc cho bà L, nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng thì bà L nhất trí để hai cụ bán. Kể từ khi anh chị mua đất làm nhà đến nay không xảy ra tranh chấp gì với các con của cụ S, cụ T. Vì vậy anh chị khẳng định diện tích đất đã mua là của vợ chồng anh, không phải là di sản thừa kế của cụ S, cụ T để lại. Đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi chính đáng cho vợ chồng anh chị.

*Tại bản tự khai ngày 11/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Đ và chị Vũ Thị P trình bày:*

Khoảng cuối năm 2007 đầu năm 2008, anh chị có mua của cụ S, cụ T diện tích đất khoảng hơn 40m<sup>2</sup>, vị trí ở phía đông thổ, giáp đất mà 2 cụ đã bán cho vợ chồng ông O và đất vợ chồng anh mua của ông nội Vũ Văn Ty. Năm 2012 vợ chồng anh làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì hai bên có làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của nhà nước. Ngày 04/5/2012, anh chị được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 167, tờ bản đồ số 8, diện tích 118m<sup>2</sup> (cả đất mua của cụ S). Trước khi bán đất cho anh chị, cụ S, cụ T đã lập di chúc cho đất ông A và bà L, vị trí đất bán cho anh chị nằm trong phần đất đã di chúc cho bà L, nhưng bà L nhất trí để hai cụ bán. Kể từ khi anh chị mua đất đến nay không xảy ra tranh chấp gì với các con của cụ S, cụ T. Vì vậy anh chị khẳng định diện tích đất đã mua là của vợ chồng anh, không phải là di sản thừa kế của cụ S, cụ T để lại và đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của anh chị theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các Đ sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Đ sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 609, 624, 628, 630, 635, 643, 645, 659 của Bộ luật Dân sự:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ S, cụ T đối với quyền sử dụng còn lại 972m<sup>2</sup> tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

+ Về di sản thừa kế của cụ S, cụ T: Xác định di sản thừa kế của cụ S, cụ T để lại là diện tích còn lại là 972m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 5.832.000.000đ (năm tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng).

+ Về di chúc của cụ S, cụ T: Xác định bản di chúc của hai cụ lập ngày 09/5/2007 là hợp pháp và chia thừa kế theo bản di chúc này.

+ Xác định diện tích đất cụ S, cụ T đã bán cho vợ chồng anh Vũ Văn O và vợ chồng anh Đặng Văn Đ là hợp pháp.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị L để lại một phần diện tích đất được hưởng làm nơi thờ cúng, sử dụng chung.

+ Về chia di sản thừa kế: Ông Vũ Văn A được thừa kế 300m<sup>2</sup> đất (phần đất ở phía tây thổ), bà Vũ Thị L được thừa kế 313m<sup>2</sup> đất (phần đất phía nam thổ); các ông bà: Vũ Văn A, Vũ Thị L, Vũ Thị G, Vũ Thị K, Vũ Thị H, Vũ Văn D được quyền sử dụng chung diện tích đất 359m<sup>2</sup> (phần đất phía bắc thổ) làm nơi sử dụng thờ cúng chung tại thửa số 88, tờ bản đồ số 8 ở xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu và giao cho ông Vũ Văn A được quyền quản lý.

+ Về án phí: ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A về chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn S và Phạm Thị T theo di chúc là quan hệ Tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Vũ Văn S chết năm 2009, cụ Phạm Thị T chết năm 2016. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”, theo quy định tại khoản 1 Điều 611 thì “Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”. Đối chiếu với các quy định này thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cả cụ S, cụ T để lại còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/11/1996 hộ ông Vũ Văn S thì theo thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 có diện tích 1100m<sup>2</sup> (đất ở 360m<sup>2</sup>; đất vườn tạp 480m<sup>2</sup>; đất ao cá 260m<sup>2</sup>) năm 2008 chuyển nhượng cho hộ anh Vũ Văn O 48m<sup>2</sup> đất ao; chuyển nhượng cho hộ anh Đặng Văn Đ 48m<sup>2</sup> đất ao, năm 2012 cả hai hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do mở rộng làm đường lấn vào 32m<sup>2</sup>.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và lời trình bày của các Đ sự có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định di sản thừa kế của S, cụ T để lại theo di chúc tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, có diện tích còn lại 972m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 5.832.000.000đ (năm tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng) và một nhà cấp bốn 4 gian lợp ngói, một nhà bếp làm năm 1977 không còn giá trị sử dụng. Hiện bà L đã sửa chữa để ở và đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra trên đất hiện nay còn có 1 đại tôn lạnh diện tích 9m<sup>2</sup> do bà L làm năm 2018 giá trị hiện còn 30.000.000 đồng và 01 nhà mái bằng ở phía tây thổ diện tích 35m<sup>2</sup> do ông A, bà R xây năm 1996 hiện nay không còn giá trị sử dụng. Như vậy, căn cứ vào Điều 612 của Bộ luật Dân sự thì thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 là di sản thừa kế của cụ S, cụ T.

[4] *Về hình thức của di chúc*: Bản di chúc do cụ S và cụ T lập và ký ngày 09/5/2007 đã được UBND xã N xác nhận thuộc trường hợp Di chúc bằng văn bản có chứng thực. Di chúc được các Đ sự trong vụ án công nhận đúng nguyện vọng của cụ S và cụ T, được lập khi cụ hai cụ minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép theo quy định tại Điều 624, Điều 628, Điều 630, Điều 635 BLDS. Vì vậy về hình thức của di chúc là hợp pháp.

Về nội dung bản di chúc của cụ S và cụ T: Ngày 09/5/2007 hai cụ lập di chúc bằng văn bản chia thừa kế thửa đất trên với nội dung: chia cho bà Vũ Thị M (L) được thừa kế quyền sử dụng 740m<sup>2</sup> đất ở phía đông thổ, chạy dài từ giáp đường nhựa đến hết thổ, chia cho ông Vũ Văn A được thừa kế quyền sử dụng 360m<sup>2</sup> trong đó có 120m<sup>2</sup> đất ở nằm về phía tây thổ đất, chạy dài từ đường nhựa đến hết thổ đất. Khi lập di chúc hai cụ hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, có điểm chỉ và có đến UBND xã N chứng thực. UBND xã N đã vào sổ chứng thực số 05/2007, ngày 22/5/2007. Căn cứ vào Điều 624, 626, 630 và Điều 635 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy có cơ sở khẳng định Bản di chúc lập ngày 09/5/2007 của cụ Vũ Văn S và Vũ Thị T là hợp pháp.

[5] Về việc chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh Vũ Văn O, vợ chồng anh Đặng Văn Đ: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các Đ sự thì việc cụ S và cụ T có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Vũ Văn O, chị Kim Thị Q 48m<sup>2</sup>, chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đặng Văn Đ, chị Kim Thị Q 48m<sup>2</sup> đều là đất ao và nằm trong phần đất đã lập di chúc chia cho bà



L là đúng. Ngày 05/4/2012, cụ T và bà L đã ký hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng anh Đ và vợ chồng anh O, có chứng thực của UBND xã N. Nay các bên không có tranh chấp gì, bà L khẳng định diện tích đất này không còn là di sản bà được hưởng thừa kế nữa. Do đó diện tích đất vợ chồng anh Đ, vợ chồng anh O đã nhận chuyển nhượng từ cụ S, cụ T thuộc quyền sử dụng của các anh chị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hải Hậu đã cấp, không nằm trong di sản thừa kế. Do các bên không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với diện tích đất cụ S, cụ T đã chuyển nhượng.

[6] Về người thừa kế theo di chúc: Bản di chúc lập ngày 09/5/2007 ghi tên người hưởng thừa kế là Vũ Thị M và Vũ Văn A. Qua thu thập tài liệu và xác minh tại địa phương thì cụ S và cụ T có 6 người con: Vũ Thị L, Vũ Thị H, Vũ Văn D, Vũ Văn A, Vũ Thị K và Vũ Thị G, (trong đó có bà Vũ Thị L (tên gọi khác M) không có con riêng, con nuôi nào khác. Vì vậy, ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị M là người được hưởng thừa kế theo nội dung bản di chúc.

[7] Về chia di sản thừa kế:

[7.1] Theo kết quả đo đạc, khảo sát thực tế và định giá tài sản ngày 16/6/2021 thì thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 có diện tích là 972m<sup>2</sup>. Diện tích đất thực tế ít hơn so với diện tích ghi trong bản di chúc là do mở rộng đường lán 32m<sup>2</sup> và cụ S, cụ T đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ, vợ chồng anh O 96m<sup>2</sup> đất ao vào phần bà L được hưởng theo di chúc. Nay bà L không yêu cầu gì về phần đất đã chuyển nhượng, nhất trí để ông A nhận đủ 360m<sup>2</sup> theo di chúc, còn lại là bà nhận. Như vậy, ông A được hưởng 360m<sup>2</sup>, bà L được hưởng 612m<sup>2</sup>.

[7.2] Tuy nhiên ông A tự nguyện chỉ nhận 300m<sup>2</sup> (cạnh nam và cạnh bắc dài 10m, cạnh đông và cạnh tây dài 30m), bà L tự nguyện chỉ nhận 313m<sup>2</sup> (cạnh phía nam dài 10,7m kéo về phía bắc dài 30m), phần đất còn lại ở phía bắc ông A và bà L tự nguyện gộp chung thành một thửa để các anh chị em làm nơi thờ cúng, sử dụng chung và không yêu cầu các anh chị em khác thanh toán giá trị. Bà Thiệp, bà Điệp, ông D, bà Nhiệm đều nhất trí nội dung này và nhất trí giao cho ông A quản lý.

[7.3] Xét nguyện vọng trên của ông A và bà L (M) là tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không vi phạm điều cấm của xã hội nên cần được ghi nhận. Do đó ông A được quyền sử dụng 300m<sup>2</sup> đất, trong đó: ONT 179m<sup>2</sup>, đất CLN 121m<sup>2</sup>, trị giá 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng); bà L được quyền sử dụng 313m<sup>2</sup> đất, trong đó: ONT 181m<sup>2</sup>, NTS 132 m<sup>2</sup>, trị giá 1.878.000.000đ (một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu đồng); bà L, bà G, bà H, bà K, ông A, ông D được quyền sử dụng chung 359m<sup>2</sup> làm nơi thờ cúng chung, tại thửa số 88, tờ

bản đồ số 8 ở xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 2.154.000.000 đồng và nên giao cho ông A quản lý phần đất chung là phù hợp.

***\* Từ những phân tích đánh giá nêu trên có đủ cơ sở xác định:***

- Di sản của cụ Vũ Văn S và cụ Phạm Thị T là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 diện tích còn lại là 972m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 5.832.000.000đ (năm tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng).

- Bản di chúc lập bằng văn bản ngày 09/5/2007 có điểm chỉ của cụ Vũ Văn S và cụ Phạm Thị T được UBND xã N chứng thực vào sổ lưu là hợp pháp.

- Người hưởng thừa kế theo di chúc cụ Vũ Văn S và cụ Phạm Thị T là ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị L (M).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị L để lại một phần đất được hưởng thừa kế theo di chúc có tổng diện tích 359m<sup>2</sup> làm nơi thờ cúng sử dụng chung mà không yêu cầu các con của cụ T, cụ S thanh toán giá trị và giao cho ông Vũ Văn A quản lý để làm nơi thờ cúng chung là phù hợp.

[8] Về án phí: Ông Vũ Văn A, bà Vũ Thị L được chia di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Tuy nhiên cả hai đều là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản, ông A đã nộp đủ và tại phiên tòa ông A tự nguyện nhận toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: các Điều 609, 624, 628, 630, 635, 643, 645, 659 của Bộ luật Dân sự; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn A về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn S và cụ Phạm Thị T theo di chúc.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Vũ Văn S và cụ Phạm Thị T là quyền sử dụng 972m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 5.832.000.000đ (năm tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng).

3. Phân chia di sản:

3.1. Chia cho ông Vũ Văn A được quyền sử dụng 300m<sup>2</sup>(S1) đất trị giá 1.800.000.000đồng, trong đó: ONT là 179m<sup>2</sup>, CLN là 121m<sup>2</sup> tại thửa đất số 88,

tờ bản đồ số 8 tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu sử dụng các công trình xây dựng trên đất.

3.2. Chia cho bà Vũ Thị L (M) được quyền sử dụng 313m<sup>2</sup> (S2) đất trị giá 1.878.000.000đồng, trong đó: ONT là 181m<sup>2</sup>, NTS là 132m<sup>2</sup> tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 tại xóm 9, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu nhà, các công trình xây dựng trên đất mình sử dụng.

3.3. Ghi nhận diện tích đất 359m<sup>2</sup> (S3) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 tại xóm 9, xã N là phần đất sử dụng chung làm nơi thờ cúng cụ S và cụ T và giao cho ông Vũ Văn A có trách nhiệm trông coi quản lý.

*(Độ dài các cạnh, vị trí, diện tích từng loại đất cụ thể các đương sự được quyền sử dụng ở trên có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án.)*

Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn A và bà Vũ Thị L vì là đối tượng người cao tuổi.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**